

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH GIA  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 01 - 7 - 2024  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Khi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Phạm Thị Thương
- Ông Hoàng Văn Chính

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1998. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1999. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hoàng Thị N1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn M tổ chức cưới theo phong tục tập quán trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 16 tháng 9 năm 2022. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn, hai vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn. Chị Hoàng Thị N đi làm công

nhân từ khoảng cuối năm 2022 và về gia đình nhà bố mẹ ruột tại thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu lên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Văn M.

Về con chung, tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng: Không có.

Chị Hoàng Thị N xác định quá trình kết hôn có nhận tiền sính lễ theo phong tục là 25.000.000 đồng của anh Hoàng Văn M. Tuy nhiên, chị không đồng ý trả lại theo yêu cầu của anh Hoàng Văn M là 10.000.000 đồng với lý do việc trao nhận tiền sính lễ là dựa trên sự tự nguyện, theo phong tục cưới hỏi tại địa phương. Do vậy, việc anh Hoàng Văn M đưa ra điều kiện trả tiền sính lễ mới đồng ý ly hôn là vô lý và không có căn cứ nên chị không chấp nhận.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2024, bị đơn Hoàng Văn M trình bày: Về thời gian tìm hiểu, và đăng ký kết hôn như chị Hoàng Thị N trình bày. Xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tuy nhiên, anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị Hoàng Thị N trả lại cho anh số tiền là 10.000.000 đồng để anh đi lấy vợ mới. Anh Hoàng Văn M không có yêu cầu phản tố đối với số tiền này.

Về con chung, tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên tòa án không tiến hành phiên hòa giải.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa đương sự giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện hai vợ chồng có mâu thuẫn, có thời gian sống ly thân đã lâu, việc anh Hoàng Văn M yêu cầu trả tiền để anh đi lấy vợ mới thì mới đồng ý ly hôn thể hiện không còn tình cảm vợ chồng nên xác định mâu thuẫn giữa chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn M; Về con chung, tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có; Về án phí: Chị Hoàng Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị N yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn M có địa chỉ tại thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Bình Gia thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại biên bản xác minh Công an xã Q và UBND xã Q xác nhận anh Hoàng Văn M vẫn có hộ khẩu tại địa phương, đi làm nhưng vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương. Quá trình giải quyết đã tổng đạt đầy đủ, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, giải thích đầy đủ quyền, nghĩa vụ cho bị đơn theo quy định. Bị đơn đã có văn bản trình bày quan điểm. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1 và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa. Do đó, việc xét xử vắng mặt bị đơn không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn M được tự do kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, công an xã Q và trưởng thôn Khuổi Nghành xác định quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, chính thức sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Như vậy, thời gian sống chung thực tế vợ chồng ngắn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn M trình bày quan điểm chỉ đồng ý ly hôn nếu chị Hoàng Thị N trả lại cho anh tiền sinh lễ là 10.000.000 đồng để anh đi lấy vợ mới và anh không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu đòi tiền này. Qua xác minh tại UBND xã Q trên địa bàn không có phong tục khi ly hôn phải trả lại tiền sinh lễ. Anh Hoàng Văn M nêu mục đích đòi tiền để anh đi lấy vợ mới thể hiện không còn tình cảm vợ chồng, việc cố tình gây khó dễ, không phải xuất phát từ sự thương yêu và mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Như vậy, hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Hoàng Thị N ly hôn với anh Hoàng Văn M.

[4] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án hai đương sự đều xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị N có đơn xin miễn án phí, thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định. Do đó, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hoàng Thị N

[7] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 16, khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn M.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND H. Bình Gia;
- Chi cục THADS H. Bình Gia;
- UBND xã Quý Hòa;
- (Nơi kết hôn);
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Hoàng Văn Khi**